

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công khai cam kết chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục phổ thông, công khai thông tin cơ sở vật chất của cơ sở giáo dục phổ thông, công khai thông tin về đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý, nhân viên của cơ sở giáo dục năm học 2022-2023; Công khai thông tin chất lượng giáo dục phổ thông năm học 2021-2022 và công tác Thu - Chi tài chính năm học 2021-2022, 2022-2023 và các năm tiếp theo của trường THPT Đông Anh.

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG THPT ĐÔNG ANH

Căn cứ Thông tư số: 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ giáo dục về việc Ban hành Quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục của hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ vào tình hình thực tế của trường THPT Đông Anh.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Công khai cam kết chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục phổ thông, công khai thông tin cơ sở vật chất của cơ sở giáo dục phổ thông, công khai thông tin về đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý, nhân viên của cơ sở giáo dục năm học 2022-2023; Công khai thông tin chất lượng giáo dục phổ thông năm học 2021-2022 và công tác Thu - Chi tài chính năm học 2021-2022, 2022-2023 và các năm tiếp theo (Kèm theo biểu mẫu 09, biểu mẫu 10, biểu mẫu 11, biểu mẫu 12 và biểu thu chi tài chính)

Điều 2: Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký

Điều 3: Lãnh đạo trường THPT Đông Anh, Chủ tịch công đoàn, Đoàn Thanh niên, các tổ chuyên môn, bộ phận tài vụ, các phòng chức năng và toàn thể cán bộ viên chức nhà trường chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Sở Giáo dục Đào tạo Hà Nội (để theo dõi);
- Như điều 3 (để thực hiện);
- Lưu VT.



HIỆU TRƯỞNG

Hữu Trung Kiên

Biểu mẫu 09

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HÀ NỘI
TRƯỜNG THPT ĐÔNG ANH

THÔNG BÁO

**Cam kết chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục phổ thông
năm học 2022 - 2023**

STT	Nội dung	Chia theo khối lớp		
		Lớp 12	Lớp 11	Lớp 10
I	Điều kiện tuyển sinh	- HS học hết lớp 12 đủ điều kiện thi theo quy định về đánh giá	- HS học hết lớp 11 đủ điều kiện lên lớp theo quy định về đánh giá	- Theo điều kiện quy định về tuyển sinh vào lớp 10 của Sở GD
II	Chương trình giáo dục mà cơ sở giáo dục tuân thủ	Đúng chương trình chuẩn	Đúng chương trình chuẩn	Đúng chương trình chuẩn
III	Yêu cầu về phối hợp giữa cơ sở giáo dục và gia đình. Yêu cầu về thái độ học tập của học sinh	Có sự phối hợp 3 lực lượng thường xuyên nghiêm túc	Có sự phối hợp 3 lực lượng thường xuyên nghiêm túc	Có sự phối hợp 3 lực lượng thường xuyên nghiêm túc
IV	Điều kiện cơ sở vật chất của cơ sở giáo dục cam kết phục vụ học sinh (như các loại phòng phục vụ học tập, thiết bị dạy học, tin học ...)	Đảm bảo phục vụ giảng dạy, học tập	Đảm bảo phục vụ dạy, học tập	Đảm bảo phục vụ dạy, học tập
V	Các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt của học sinh ở cơ sở giáo dục	Bồi dưỡng HS giỏi, phụ đạo HS yếu kém, Thực hiện Chuyên đề, ngoại khoá, h/đ tập thể	Bồi dưỡng HS giỏi, phụ đạo HS yếu kém, Thực hiện Chuyên đề, ngoại khoá, h/đ tập thể	Bồi dưỡng HS giỏi, phụ đạo HS yếu kém, Thực hiện Chuyên đề, ngoại khoá, h/đ tập thể
	Đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý,	Đạt	Đạt	Đạt

STT	Nội dung	Chia theo khối lớp		
		Lớp 12	Lớp 11	Lớp 10
VI	phương pháp quản lý của cơ sở giáo dục	chuẩn và trên chuẩn	chuẩn và trên chuẩn	chuẩn và trên chuẩn
VII	Kết quả đạo đức, học tập, sức khỏe của học sinh dự kiến đạt được	Tốt nghiệp 100%	Lên lớp đạt 100%	Lên lớp đạt 100%
VIII	Khả năng học tập tiếp tục của học sinh	Trên 80% tiếp tục học Cao đẳng, Đại học	100% hs tiếp tục học tại trường	100% hs tiếp tục học tại trường

Hà Nội, ngày 29 tháng 9 năm 2022

Thủ trưởng đơn vị

(Ký tên và đóng dấu)



Hữu Trung Kiên

Biểu mẫu 10

**SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HÀ NỘI
TRƯỜNG THPT ĐÔNG ANH**

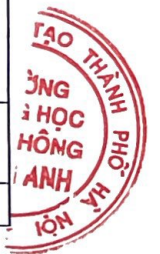
THÔNG BÁO

Công khai thông tin chất lượng giáo dục phổ thông, năm học 2021 - 2022

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp		
			Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12
I	Số học sinh chia theo hạnh kiểm	1459	495	505	459
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	97.26	94.55	98.02	99.35
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	2.27	5.45	1.98	0.65
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0
II	Số học sinh chia theo học lực	1459	495	505	459
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	41.47	61.82	32.87	67.32
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	52.84	11.72	62.97	32.03
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	5.62	0.2	4.16	2.17
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	0.07	0	0	0
5	Kém (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0
III	Tổng hợp kết quả cuối năm	1459	495	505	459
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)	100	100	100	100
a	Học sinh giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	41.47	26.26	32.87	67.32
b	Học sinh tiên tiến (tỷ lệ so với tổng số)	52.84	61.82	62.97	32.03
2	Thi lại (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0
3	Lưu ban (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0
4	Chuyển trường đến/đi (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0



STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp			
			Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12	
5	Bị đuổi học (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	
6	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học) (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	
IV	Số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi					
1	Cấp tỉnh/thành phố	9	0	0	9	
2	Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế	0	0	0	0	
V	Số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp	459			459	
VI	Số học sinh được công nhận tốt nghiệp	459			459	
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)					
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)					
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)					
VII	Số học sinh thi đỗ đại học, cao đẳng công lập (tỷ lệ so với tổng số)	87%			87%	
VIII	Số học sinh thi đỗ đại học, cao đẳng ngoài công lập (tỷ lệ so với tổng số)					
IX	Số học sinh nam/số học sinh nữ	702/ 775	262/ 233	241/ 264	199/ 260	
X	Số học sinh dân tộc thiểu số	11	4	1	6	



Hà Nội, ngày 29 tháng 9 năm 2022

Thủ trưởng đơn vị

(Ký tên và đóng dấu)



Hữu Trung Kiên

Biểu mẫu 11

**SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HÀ NỘI
TRƯỜNG THPT ĐÔNG ANH**

THÔNG BÁO

**Công khai thông tin cơ sở vật chất của cơ sở giáo dục phổ thông,
năm học 2022 - 2023**

ST T	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học	21	Số m ² /học sinh
II	Loại phòng học		
1	Phòng học kiên cố	21	
2	Phòng học bán kiên cố	0	
3	Phòng học tạm	0	
4	Phòng học nhờ	0	
5	Số phòng học bộ môn	9	
6	Số phòng học đa chức năng (có phương tiện nghe nhìn)	0	
7	Bình quân lớp/phòng học	32/21	
8	Bình quân học sinh/lớp	45.3	
III	Số điểm trường	1	
IV	Tổng số diện tích đất (m²)	20.907,7	
V	Tổng diện tích sân chơi, bãi tập (m²)	10.828	
VI	Tổng diện tích các phòng		
1	Diện tích phòng học (m ²)	1260	
2	Diện tích phòng học bộ môn (m ²)	529.6	
3	Diện tích phòng chuẩn bị (m ²)	88	
3	Diện tích thư viện (m ²)	119.2	
4	Diện tích nhà tập đa năng (Phòng giáo dục rèn luyện thể chất) (m ²)	570	
5	Diện tích phòng khác (....)(m ²)	18	
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)		Số bộ/lớp
1	Khối lớp 10	3	
2	Khối lớp 11	3	
3	Khối lớp 12	3	
4	Khu vườn sinh vật, vườn địa lí (diện tích/thiết bị)	300	-
5		
VII I	Tổng số máy vi tính đang sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)		36 học sinh/bộ



IX	Tổng số thiết bị đang sử dụng	Số lượng	Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	18	
2	Cát xét	0	
3	Đầu Video/đầu đĩa	0	
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	0	
5	Thiết bị khác...	0	
..		

	Nội dung	Số lượng (m ²)
X	Nhà bếp	0
XI	Nhà ăn	0

	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m ²)	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
XII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú	0		
XIII	Khu nội trú	0		

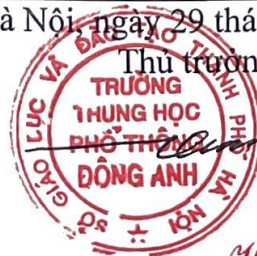
XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	08		24		
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*					

(*Theo Quyết định số 07/2007/QĐ-BGDĐT ngày 02/4/2007 của Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học và Quyết định số 08/2005/QĐ-BYT ngày 11/3/2005 của Bộ Y tế quy định về tiêu chuẩn vệ sinh đối với các loại nhà tiêu)

	Nội dung	Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	X	
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	X	
XVII	Kết nối internet (ADSL)	X	
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	X	
XIX	Tường rào xây	X	

Hà Nội, ngày 29 tháng 9 năm 2022.

Thủ trưởng đơn vị



HIỆU TRƯỞNG

Hữu Trung Kiên



Biểu mẫu 12

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HÀ NỘI
TRƯỜNG THPT ĐÔNG ANH

THÔNG BÁO

Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên
của cơ sở giáo dục phổ thông, năm học 2022-2023

STT	Nội dung	Tổng số	Hình thức tuyển dụng		Trình độ đào tạo						Ghi chú
			Tuyển dụng trước NĐ 116 và tuyển dụng theo NĐ 116 (Biên chế, hợp đồng làm việc ban đầu, hợp đồng làm việc có thời hạn, hợp đồng làm việc không thời hạn)	Các hợp đồng khác (Hợp đồng làm việc, hợp đồng vụ việc, ngắn hạn, thỉnh giảng, hợp đồng theo NĐ 68)	TS	ThS	ĐH	CD	TCCN	Dưới TCCN	
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	82	73	9	21	53	1	3	3		
I	Giáo viên	69	66	3	19	50					
	Trong đó số giáo viên dạy môn:	69	66	3							
1	Toán	12	12			9	3				
2	Lý	7	7			3	6				
3	Hóa	6	6			4	2				
4	Văn	9	8	1			8				
5	Sử	4	4				4				
6	Địa	3	3				3				
7	Tin	4	4				4				
8	Ngoại ngữ	9	7	2			7				
9	Thể dục	5	5				3				
10	GDQP	2	2				2				
11	Sinh	4	4				3				
12	KTNN	1	1				1				
13	KTCN	1	1				1				
14	GDCD	2	2				2				
II	Cán bộ quản lý	3	3		1	2					
1	Hiệu trưởng	1	1			1					
2	Phó hiệu trưởng	2	2				2				
III	Nhân viên	10	4	6		3	1	3	3		



STT	Nội dung	Tổng số	Hình thức tuyển dụng		Trình độ đào tạo						Ghi chú	
			Tuyển dụng trước ND 116 và tuyển dụng theo ND 116 (Biên chế, hợp đồng làm việc ban đầu, hợp đồng làm việc có thời hạn, hợp đồng làm việc không thời hạn)	Các hợp đồng khác (Hợp đồng làm việc, hợp đồng vụ việc, ngắn hạn, thỉnh giảng, hợp đồng theo ND 68)	TS	ThS	ĐH	CĐ	TCCN	Dưới TCCN		
1	Nhân viên văn thư		1				1					
2	Nhân viên kế toán		1				1					
3	Thủ quỹ											
4	Nhân viên y tế			1				1				
5	Nhân viên thư viện		1						1			
6	Nhân viên TB, TN		1				1					
7	Nhân viên tạp vụ			1							1	
8	Nhân viên bảo vệ			4					2	2		

Hà Nội, ngày 29 tháng 9 năm 2022

Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên và đóng dấu)



Hữu Trung Kiên



CÔNG KHAI THU CHI TÀI CHÍNH

Đối với các cơ sở giáo dục công lập

1- Tình hình tài chính của cơ sở giáo dục:

Thực hiện công khai theo Thông tư 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành quy chế công khai đối với cơ sở giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Thực hiện Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của bộ tài chính hướng dẫn công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Thực hiện Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của bộ tài chính hướng dẫn công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ.

2 - Năm học 2021 - 2022 trường THPT Đông Anh đã thực hiện công khai các nội dung cụ thể như sau:

1. Công khai theo Thông tư 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ giáo dục thời điểm tháng 9 năm 2021.
2. Công khai thực hiện miễn giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập học kỳ I năm học 2021 - 2022.
3. Công khai đánh giá thực hiện dự toán thu – chi ngân sách quý 3, 9 tháng năm 2021.
4. Công khai dự toán ngân sách năm 2022
5. Công khai đánh giá thực hiện dự toán thu chi ngân sách năm 2021
6. Công khai đánh giá thực hiện dự toán thu - chi ngân sách quý 1 năm 2022
7. Công khai thực hiện miễn giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập học kỳ II năm học 2021 - 2022.
8. Công khai đánh giá thực hiện dự toán thu - chi ngân sách quý 2, 6 tháng năm 2022

3- Công khai các khoản thu dự kiến năm học 2022 - 2023:

a- Thu theo quy định

* Học phí:

- Mức thu: thực hiện thu theo Nghị quyết số 17/2022/NQ-HĐND ngày 12/9/2022 của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội.



- Chế độ miễn giảm: thực hiện theo theo Nghị định 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ.

- Chế độ hỗ trợ học phí: thực hiện theo Nghị quyết số 18/2022/NQ-HĐND ngày 12/9/2022 của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội.

* **BHYT:** Thực hiện thu theo hướng dẫn số 57/BHXH-BPT ngày 29/8/2022 của BHXH huyện Đông Anh, cụ thể mức thu như sau:

- Học sinh khối 10,11: 563.220 đồng/học sinh/12 tháng.

- Học sinh khối 12: 422.415 đồng/học sinh/9 tháng.

b- Thu thoả thuận

* **Tiền học thêm:** Thu 7000đ/hs/1tiết dạy (theo quyết định 22/2012/QĐ-UBND ngày 25/6/2013 của UBND Thành phố Hà Nội)

* **Tiền nước uống:** Thu 12.000đ/hs (thu 9 tháng) theo quyết định số: 51/2013/QĐ-UBND ngày 22/11/2013 của UBND Thành phố Hà Nội)

4- Dự kiến năm học 2023-2024, năm học 2024-2025;

a- Thu theo quy định

* **Học phí**

- Mức thu: thực hiện theo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội.

- Chế độ miễn giảm: thực hiện theo theo Nghị định 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ.

* **BHYT:** Thực hiện thu theo văn bản quy định

b- Thu thoả thuận

* **Tiền học thêm:** Thu 7 000đ/hs/1tiết dạy (Quyết định 22/2012/QĐ-UBND ngày 25/6/2013 của UBND Thành phố Hà Nội)

* **Tiền nước uống:** Thu 12.000đ/hs (thu 9 tháng) theo quyết định số: 51/2013/QĐ-UBND ngày 22/11/2013 của UBND Thành phố Hà Nội)

5 - Các khoản chi của năm học 2021 - 2022:

Chi lương: 9.162.741.709đ

Chi phí nghiệp vụ chuyên môn: 755.541.427đ

Thu nhập hàng tháng của giáo viên , nhân viên và cán bộ quản lý:

+ Cán bộ quản lý: mức thu nhập bình quân: 12.200.000đ/tháng, mức cao nhất: 13.200.000đ/tháng, mức thấp nhất: 11.100.000đ/tháng.

+ Giáo viên và nhân viên: mức thu nhập bình quân: 7.800.000đ/tháng, mức cao nhất: 11.100.000đ/tháng, mức thấp nhất: 2.000.000đ/tháng.



Mức chi thường xuyên/1học sinh: 8.300.000đ/hs/năm

Mua sắm, sửa chữa: 152.315.700đ.

6 - Chính sách và kết quả thực hiện chính sách hàng năm về trợ cấp và miễn, giảm học phí đối với người học thuộc diện được hưởng chính sách xã hội. Thực hiện chế độ miễn giảm học phí cho học sinh đúng đối tượng chính sách cụ thể như sau:

- Học kỳ I năm học 2021 - 2022:

+ Về chế độ miễn giảm học phí: trường THPT Đông Anh đã miễn học phí cho 05 học sinh thuộc diện hộ nghèo, con của thương bệnh binh; Giảm 50% học phí cho 30 học sinh thuộc hộ cận nghèo, con của người bị TNLĐ, MSLĐ.

- Học kỳ II năm học 2021 - 2022:

+ Về chế độ miễn giảm học phí: trường THPT Đông Anh đã miễn học phí cho 05 học sinh thuộc diện hộ nghèo, con của thương bệnh binh; Giảm 50% học phí cho 24 học sinh thuộc hộ cận nghèo, con của người bị TNLĐ, MSLĐ.

7 - Kết quả kiểm toán (nếu có): Không

Hà Nội, ngày 29 tháng 9 năm 2022

Hiệu trưởng



Hữu Trung Kiên

